xiāo jìn

宵禁

noun · curfew

Example Sentences

Chéng shì zài wǎn shàng shí diǎn kāi shǐ xiāo jìn
城 市在晚 上 十点开始宵禁。

The city starts a curfew at ten o'clock at night.

Xiāo jìn qī jiān suǒ yǒu rén bì xū dāi zài jiā lǐ
宵 禁期间， 所有人必须待在家里。

During the curfew, everyone must stay at home.

Trace each character, then write the word on your own.

宵 宵 宵 宵 宵 宵 宵 宵 宵 宵 宵
宵 宵

禁 禁 禁 禁 禁 禁 禁 禁 禁 禁 禁
禁 禁 禁 禁 禁